

**ĐỀ ÁN**

**Chuyển đổi số hệ thống Truyền thanh - Truyền hình  
Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch Triệu Sơn  
đến năm 2025**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Đài phát thanh – truyền hình huyện Triệu Sơn là kênh thông tin chính thống cung cấp đến người dân các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; là cơ quan ngôn luận của cấp ủy và chính quyền nhân dân địa phương; là diễn đàn của nhân dân, phục vụ kịp thời, có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của đất nước và địa phương, tích cực tuyên truyền, phản ánh nhiều chiều, phong phú, đa dạng mọi mặt đời sống kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội, an ninh quốc phòng. Trước tình hình thông tin trên mạng xã hội ngày càng phức tạp, đặc biệt là những thông tin nói xấu chế độ, nói xấu Đảng, Nhà nước, thông tin trên các đài phát thanh truyền hình đã góp phần đấu tranh, phản bác lại những thông tin xấu độc trên mạng xã hội; qua đó góp phần định hướng dư luận đúng đắn, giúp ổn định chính trị, tâm lý xã hội.

Để đáp ứng tốt hơn nhu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp, phục vụ tốt yêu cầu định hướng thông tin trong giai đoạn bùng nổ thông tin mạng xã hội hiện nay, Đài phát thanh – truyền hình huyện cần được trang bị những công cụ tác nghiệp đủ mạnh, đáp ứng việc tuyên truyền chính xác, nhanh chóng và kịp thời các sự kiện diễn ra trên tất cả các ấn phẩm của Đài phát thanh – truyền hình huyện.

Sự phát triển của công nghệ thông tin trong thời đại 4.0 ngày nay đã làm thế giới thay đổi nhanh chóng trên nhiều phương diện, trong đó có lĩnh vực báo chí và truyền thông gặp không ít những thách thức lớn. Ứng dụng công nghệ trong các hoạt động báo chí, truyền thông là một xu thế tất yếu và chúng ta đang chứng kiến sự thay đổi nhanh chóng ở các cơ quan báo chí hiện đại. Tất cả đều có xu hướng vận dụng các thế mạnh của công nghệ.

Vì vậy, xây dựng và thực hiện đề án “**Chuyển đổi số hệ thống Truyền thanh - Truyền hình Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch Triệu Sơn đến năm 2025**” là thực sự cần thiết, nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả hơn nữa hệ thống Truyền thanh – Truyền hình từ huyện đến xã, thị trấn; góp phần xây dựng thành công huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao vào năm 2024, đến năm 2030 trở thành Thị xã.

**II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- Căn cứ Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

- Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước đã được công bố kèm theo Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Kế hoạch số 272/KH-UBND, ngày 21/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 71/KH-UBND, ngày 29/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2021;

- Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hoá về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 176/QĐ-UBND kèm chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh Thanh Hoá;

- Công văn số 891/STTTT-CNTT ngày 03/5/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh về việc hướng dẫn mô hình, nội dung chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch hành động số 76-KH/HU ngày 28/3/2022 của Huyện ủy Triệu Sơn về Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số: 3759 ngày 31 tháng 5 năm 2022 của UBND huyện Triệu Sơn về Triển khai thực hiện Chương trình hành động của UBND tỉnh và Kế hoạch hành động của Huyện ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

### **III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

Ứng dụng tối đa công nghệ số vào công tác quản lý, khai thác, vận hành, hoạt động của hệ thống Truyền thanh – Truyền hình huyện nhằm nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ chính trị của huyện; Thông tin, tuyên truyền kịp thời các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước đến với người dân, phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật, pháp luật phục vụ lao động sản xuất, xây dựng nông thôn mới, đáp ứng nhu cầu

hưởng thụ thông tin của người dân; Tăng cường giới thiệu, quảng bá tiềm năng, thể mạnh, hình ảnh quê hương, đất nước con người Triệu Sơn trên các hệ thống thông tin đại chúng, các trang mạng xã hội và được chia sẻ rộng rãi trên các phương tiện thông tin của tập thể, cá nhân; Tuyên truyền, hướng dẫn đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và hướng dẫn người dân áp dụng hiệu quả các dịch vụ số trong lao động sản xuất, đời sống sinh hoạt hàng ngày.

Phấn đấu đến năm 2023 hệ thống Đài Truyền thanh – Truyền hình Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch Triệu Sơn đạt chuẩn về chuyển đổi số theo quy định, đến năm 2025 là một trong những đơn vị dẫn đầu của tỉnh về chuyển đổi số.

### ***1.1. Đối với Truyền thanh huyện, xã***

- Đồng bộ hoá kỹ thuật công nghệ số vào hệ thống thiết bị Đài Truyền thanh – Truyền hình huyện, đảm bảo các tin tức, sự kiện quan trọng diễn ra trên địa bàn huyện được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử (CTTĐT) của huyện, trên các trang mạng xã hội như YouTube, Zalo, Facebook và được chia sẻ rộng rãi trên các thiết bị nghe, nhìn; cộng tác kịp thời các sự kiện quan trọng trên sóng đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Báo điện tử Thanh Hóa và các báo, đài cấp trên.

- 100% Đài Truyền thanh xã, thị trấn được kết nối với hệ thống Đài Truyền thanh huyện thông qua phần mềm “Truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông” đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- 100% cán bộ làm công tác Văn hóa Xã hội, Văn hóa Thông tin truyền thông nắm vững kiến thức về chuyển đổi số theo công nghệ 4.0, thao tác và áp dụng thành thạo các thiết bị hiện có phục vụ cho công tác chuyển đổi số tại địa phương đơn vị.

### ***1.2. Đối với Truyền hình huyện***

100% bản tin Truyền hình huyện được phát hàng ngày, được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử huyện, các trang mạng xã hội như YouTobe, Zalo, Facebook và được chia sẻ rộng rãi trên các thiết bị nghe, nhìn tập thể, cá nhân; Các sự kiện nổi bật được phản ánh cập nhật hàng ngày trên các bản tin truyền hình, bản tin phát thanh và được kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu nguồn 4 cấp (Quốc gia, Tỉnh, Huyện, xã).

## **2. Yêu cầu**

- Hoàn thiện hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu nguồn tổng hợp của Đài Truyền thanh – Truyền hình huyện, Đài truyền thanh các xã, thị trấn; 100% hệ thống Đài truyền thanh các xã, thị trấn trên địa bàn huyện được kết nối với hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu nguồn thông tin của huyện, của tỉnh Thanh Hoá và Quốc gia.

- Cán bộ làm công tác thông tin từ huyện đến cơ sở thường xuyên được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin để khai thác, biên soạn tài liệu, lưu trữ thông tin, quản lý và vận hành thiết bị kỹ thuật phù hợp với vị trí việc làm.

- Người dân tiếp nhận đầy đủ thông tin thiết yếu và phản ánh thông tin về hiệu quả thực thi các chính sách, pháp luật ở cơ sở trên hệ thống thông tin cơ sở.

#### **IV. NỘI DUNG VÀ PHẠM VI ĐẦU TƯ CỦA ĐỀ ÁN**

Hiện nay các thiết bị đang sử dụng bao gồm: Máy phát sóng FM, máy ghi âm 5 cái, 01 máy chụp hình ảnh, 2 máy ghi hình (Camera) trong đó 01 máy cũ và 01 máy mới được đầu tư; Bộ trộn âm thanh, máy tính cài đặt phần mềm ghi và chỉnh sửa âm thanh, Micro ghi âm, loa kiểm tra kèm âm li nhỏ (microlap), đầu đọc thẻ nhớ âm thanh, ổ cứng USP...được trang bị từ năm 2009 quá cũ thường xuyên phải sửa chữa. Các thiết bị, phương tiện dùng để truyền dẫn, chuyển tải các chương trình, bản tin đến người nghe, người xem, đến các đài truyền thanh xã, thị trấn về chất lượng, công nghệ không đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Chính vì vậy cần phải đầu tư hệ thống Truyền thanh - Truyền hình huyện để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số theo công nghệ 4.0.

##### **1. Truyền hình huyện**

Đầu tư, trang bị đồng bộ các thiết bị kỹ thuật số truyền hình Đài Truyền thanh – Truyền hình huyện... để đáp ứng yêu cầu sản xuất, lưu trữ, truyền dẫn các bản tin, các chương trình hình cấp huyện.

Bổ sung, nâng cấp thiết bị CNTT, máy tính để đảm bảo cấu hình, năng lực, số lượng thiết bị phục vụ triển khai các ứng dụng công nghệ số cho cán bộ, viên chức trong đơn vị. 100% các máy tính làm công việc chuyên môn được cài đặt phần mềm diệt virus và thường xuyên được cập nhật phần mềm.

| <b>TT</b> | <b>Tên vật tư, thiết bị (hạng mục)</b>                                                               | <b>Số lượng</b> |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1         | Máy ghi hình kỹ thuật số (máy quay Camera – Sony)                                                    | 01 cái          |
| 2         | Phụ kiện máy quay                                                                                    | 01 bộ           |
| 3         | Bộ dụng hình phi tuyến phòng thu                                                                     | 01 bộ           |
| 4         | Máy ghi hình trên cao (Flycam)                                                                       | 01 cái          |
| 5         | Hệ thống CPU sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình di động, kết nối môi trường mạng (3G, 4G) | 2 bộ            |

##### **2. Đầu tư, nâng cấp hệ thống Truyền thanh huyện.**

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thiết bị kỹ thuật “Truyền thanh số” từ Đài truyền thanh huyện đến trung tâm điều khiển (phòng máy) đài truyền thanh các xã, thị trấn, đến thôn, tổ dân phố, nhằm truyền dẫn tín hiệu đài 4 cấp; chủ động mở, tắt các hệ thống truyền thanh từ huyện đến các xã, thị trấn theo công nghệ số (truyền thanh thông minh), thông qua môi trường mạng viễn thông (4G).

| <b>TT</b> | <b>Tên vật tư, thiết bị (hạng mục)</b>                                                        | <b>Số lượng</b> |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1         | Bộ phát truyền thanh “Ứng dụng CNTT-VT) tại phòng máy đài huyện.                              | 01 bộ           |
| 2         | “Bộ thiết bị “máy chủ”, “máy thu” chạy phần mềm “truyền thanh ứng dụng CNTT-VT” tại đài huyện | 01 bộ           |
| 3         | Bộ ghi, dựng phát thanh số (phi tuyến)                                                        | 01 bộ           |
| 4         | Bộ trộn âm thanh số - 14 kênh, Mic phòng thu                                                  | 01 bộ           |
| 5         | Nâng cấp dung lượng lưu trữ bộ nhớ đám mây (Cloud)                                            | Gói 2TB/10 năm  |

### **3. Hệ thống Đài Truyền thanh các xã, thị trấn**

Đến tháng 5 năm 2022, có 34/34 xã thị trấn trong huyện có hệ thống Đài truyền thanh, trong đó: Có 27 Đài truyền thanh xã sử dụng phương thức truyền thanh phát sóng FM, 05 đài xã sử dụng hệ thống có dây dẫn, 02 đài xã sử dụng truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông (truyền thanh thông minh). Tổng số loa có 886 chiếc; Qua khảo sát điều tra, đánh giá chất lượng hoạt động thực tế của các Đài xã, thị trấn trong năm 2022 cho thấy: Có 15 Đài truyền thanh xã có hệ thống thiết bị kỹ thuật hoạt động xếp ở mức tốt, 15 Đài hoạt động ở mức trung bình và 4 Đài hệ thống thiết bị kỹ thuật hoạt động ở mức kém. Hệ thống trang thiết bị kỹ thuật Đài truyền thanh phần lớn nằm ở ngoài trời nên luôn bị chịu sự tác động khắc nghiệt của môi trường, thời tiết, cơ sở vật chất kỹ thuật nhanh bị xuống cấp, kinh phí sửa chữa cho Đài truyền thanh còn hạn hẹp, nên việc nâng cấp, sửa chữa không được đồng bộ ảnh hưởng thiết bị hoạt động lâu dài cũng như công tác tuyên truyền các chủ trương, đường lối, chính sách trên địa bàn. Để đồng bộ các thiết bị kỹ thuật số cần phối hợp triển khai mạng Truyền số liệu chuyên dùng Đài truyền thanh huyện đến Đài Truyền thanh các xã, thị trấn, đảm bảo kết nối, liên thông 4 cấp chính quyền (từ Trung ương đến cấp xã) cần đầu tư các thiết bị gồm.

| <b>TT</b> | <b>Tên vật tư, thiết bị (hạng mục)</b>                                                                                                  | <b>Số lượng</b> |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1         | Bộ thiết bị điều khiển hệ thống truyền thanh, sản xuất chương trình “truyền thanh ứng dụng CNTT-VT” đặt tại phòng máy các xã, thị trấn. | 34 bộ           |

## **V. KHÁI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

### **1. Tổng kinh phí thực hiện Đề án: 2.781.450.000 cụ thể:**

|                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Chi phí thiết bị huyện:         | 725.480.000 |
| - Chi phí quản lý dự án:          | 14.545.478  |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 44.412.435  |
| - Chi phí khác:                   | 7.419.573   |

- Chi phí dự phòng: 39.592.874
- Thiết bị các xã, thị trấn: 1.950.000.000

(Chi tiết có dự toán kèm theo)

## **2. Nguồn vốn:**

+ Đối với trang thiết bị Truyền thanh - Truyền hình huyện do nguồn Ngân sách huyện và các nguồn huy động hợp pháp khác.

+ Đối với trang thiết bị Đài Truyền thanh các xã, thị trấn do nguồn Ngân sách các xã, thị trấn và các nguồn huy động hợp pháp khác.

## **3. Thời gian thực hiện:** Trong quý III năm 2022

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Trung tâm VH,TT,TT&DL**

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện đề án. Trực tiếp quản lý các thiết bị Truyền thanh – Truyền hình huyện.

- Chủ trì, phối hợp với phòng Tài chính- Kế hoạch; các đơn vị liên quan lập dự trù kinh phí thực hiện trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt.

- Phối hợp với Phòng Nội vụ sắp xếp, bố trí cán bộ, viên chức và người lao động trong ngành thông tin, tuyên truyền hợp lý, đảm bảo phù hợp với trình độ, chuyên môn nghề nghiệp để phục vụ công tác chuyển đổi số. Tham gia lớp tập huấn, từng bước vận hành hoạt động tốt các thiết bị khi thực hiện.

- Phân công cán bộ đầu mối với các đơn vị liên quan tổ chức thi công lắp đặt Truyền thanh - Truyền hình huyện, xã.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có nội dung, nhiệm vụ chưa phù hợp, tham mưu UBND huyện điều chỉnh kịp thời.

### **2. Phòng Văn hóa và Thông tin**

Tham mưu UBND huyện các văn bản nhằm kiểm tra, đôn đốc, đơn vị liên quan; UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

### **3. Phòng Tài chính- Kế hoạch**

- Trên cơ sở Đề án được phê duyệt, Báo cáo chi tiết dự toán của Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch tham mưu cho UBND huyện thẩm định dự toán theo quy định hiện hành, các thiết bị lắp đặt đảm bảo yêu cầu, mục tiêu của Đề án.

- Tham mưu phân bổ kinh phí mua sắm thiết bị, thuê bao trọn gói dịch vụ lưu trữ dữ liệu phục vụ chuyển đổi số hệ thống Truyền thanh - Truyền hình huyện từ nguồn ngân sách huyện.

### **4. Phòng Nội vụ**

Chủ trì, phối hợp với Trung tâm VH,TT,TT&DL trong việc tham mưu, đề xuất với UBND huyện về cơ cấu tổ chức bộ máy, đảm bảo biên chế nâng cao

chất lượng nguồn nhân lực, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Những cán bộ trẻ có điều kiện, có năng lực đào tạo theo từng cấp hàng năm. Cử cán bộ làm công tác thông tin, tuyên truyền, văn hóa cơ sở tham dự các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ chuyển đổi số.

**5. Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị** liên quan trên cơ sở chức năng nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị mình để tổ chức thực hiện, đảm bảo tiến độ và thời gian quy định.

## **6. UBND các xã, thị trấn**

Phối hợp với: Trung tâm VH,TT,TT&DL để hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ; Phòng văn hoá và thông tin tổ chức triển khai thực hiện Đề án. Hàng năm căn cứ nội dung Đề án, xây dựng kế hoạch và bố trí ngân sách phù hợp để đầu tư trang thiết bị kỹ thuật, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số, trong đó quan tâm đến lĩnh vực thông tin, tuyên truyền tại địa phương. Phân công cán bộ quản lý các thiết bị trang bị cho Đài Phát thanh khi được bàn giao.

Trên đây là Đề án “Chuyển đổi số hệ thống Truyền thanh - Truyền hình Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch Triệu Sơn đến năm 2025. Yêu cầu Trung tâm VH,TT, TT&DL, các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn, triển khai thực hiện./.

### **Nơi nhận:**

- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Sở VH,TT, DL; Sở TT&TT (b/c);
- CT, các PCT.UBND (b/c);
- TT cơ quan, đơn vị liên quan (t/h);
- UBND các xã, Thị trấn (t/h);
- Lưu: VT, TTVH.

**TM. UBND HUYỆN  
CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**

Dự toán F1

**BẢNG TỔNG HỢP**  
**Các thiết bị Truyền thanh - Truyền hình phục vụ chuyển đổi số**  
**Tại Đài TT-TH huyện**

(Kèm Đề án chuyển đổi số hệ thống Truyền thanh - Truyền hình Trung tâm Văn hóa,  
 Thông tin, Thể thao và Du lịch Triệu Sơn đến năm 2025)

| <b>TT</b> | <b>Tên vật tư, thiết bị (hạng mục)</b>                                                               | <b>Số lượng</b> | <b>Thành tiền</b>  |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------|
| <b>I</b>  | <b>Vật tư, thiết bị Truyền hình</b>                                                                  |                 |                    |
| 1         | Máy ghi hình kỹ thuật số (máy quay Camera – Sony)                                                    | 01 cái          | 325.000.000        |
| 2         | Phụ kiện máy quay                                                                                    | 01 bộ           | 30.000.000         |
| 3         | Bộ dụng hình phi tuyến phòng thu                                                                     | 01 bộ           | 91.000.000         |
| 4         | Máy ghi hình trên cao (Flycam)                                                                       | 01 cái          | 52.980.000         |
| 5         | Hệ thống CPU sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình di động, kết nối môi trường mạng (3G, 4G) | 02 bộ           | 40.000.000         |
|           | <b>Cộng</b>                                                                                          |                 | <b>538.980.000</b> |
| <b>II</b> | <b>Vật tư, thiết bị Truyền thanh</b>                                                                 |                 |                    |
| 1         | Bộ phát truyền thanh “Ứng dụng CNTT-VT” tại phòng máy đài huyện.                                     | 01 bộ           | 25.000.000         |
| 2         | “Bộ thiết bị “máy chủ”, “máy thu” chạy phần mềm “truyền thanh ứng dụng CNTT-VT” tại đài huyện .      | 01 bộ           | 74.000.000         |
| 3         | Bộ ghi, dựng phát thanh số (phi tuyến)                                                               | 01 bộ           | 50.000.000         |
| 4         | Bộ trộn âm thanh số - 14 kênh, Mic phòng thu.                                                        | 01 bộ           | 15.000.000         |
| 5         | Nâng cấp dung lượng lưu trữ bộ nhớ đám mây (Cloud)                                                   | Gói 2TB/ 10 năm | 22.500.000         |
|           | <b>Cộng</b>                                                                                          |                 | <b>186.500.000</b> |
|           | <b>Tổng cộng kinh phí thực hiện đề án (Mục I+II)</b>                                                 |                 | <b>725.480.000</b> |



Dự toán F1

**BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**  
**Chuyển đổi số tại Đài TT-TH huyện**  
*(Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng)*

| ST T       | NỘI DUNG CHI PHÍ                                                                 | Tỷ lệ %       | Hệ số           | CÁCH TÍNH                                             | GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ | GIÁ TRỊ SAU THUẾ   |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------|-------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| <b>I</b>   | <b>Chi phí thiết bị</b>                                                          |               |                 | <b>Theo bảng tổng hợp chi phí TB</b>                  | <b>659.527.273</b> | <b>725.480.000</b> |
| <b>II</b>  | <b>Chi phí quản lý dự án</b>                                                     | <b>3,446%</b> | <b>0,8*0,8</b>  | <b>(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ</b>                   | <b>14.545.478</b>  | <b>14.545.478</b>  |
| <b>III</b> | <b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>                                            |               |                 |                                                       | <b>41.122.625</b>  | <b>44.412.435</b>  |
| 1          | Chi phí thẩm định giá                                                            |               |                 | Tạm tính                                              | 2.611.728          | 2.820.666          |
| 2          | Chi phí lập BCKTKT                                                               | <b>4,422%</b> |                 | Dự toán gói thầu x tỷ lệ                              | 29.704.376         | 32.080.726         |
| 3          | Chi phí lập HSMT, BCĐG HSDT mua sắm thiết bị                                     | <b>0,367%</b> |                 | Dự toán gói thầu x tỷ lệ                              | 2.465.289          | 2.662.512          |
| 4          | Chi phí thẩm định HSMT                                                           | <b>0,050%</b> |                 | Dự toán gói thầu x tỷ lệ                              | 335.870            | 362.740            |
| 5          | Chi phí thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu                                      | <b>0,050%</b> |                 | Dự toán gói thầu x tỷ lệ                              | 335.870            | 362.740            |
| 6          | Chi phí giám sát thiết bị                                                        | <b>0,844%</b> |                 | Dự toán gói thầu x tỷ lệ                              | 5.669.492          | 6.123.051          |
| <b>IV</b>  | <b>Chi phí khác</b>                                                              |               |                 |                                                       | <b>6.996.938</b>   | <b>7.419.573</b>   |
| 1          | Lệ phí thẩm định dự án đầu tư (Thông tư 209/2016/TT-BTC)                         | <b>0,019%</b> |                 | Tổng mức đầu tư x tỷ lệ                               | 149.043            | 149.043            |
| 2          | Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2022) | <b>0,57%</b>  | <b>0,5*0,7</b>  | Tổng mức đầu tư sau loại trừ chi phí dự phòng x tỷ lệ | 1.564.954          | 1.564.954          |
| 3          | Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2022)              | <b>0,96%</b>  | <b>1,08*0,7</b> | Tổng mức đầu tư sau loại trừ chi phí dự phòng x tỷ lệ | 5.282.941          | 5.705.576          |
| <b>V</b>   | <b>Chi phí dự phòng</b>                                                          |               |                 |                                                       |                    |                    |
|            | <b>Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh</b>                                  | <b>5,00%</b>  |                 | <b>(Gtb+Gqlda+Gtv+Gk)*5%</b>                          | <b>35.993.522</b>  | <b>39.592.874</b>  |
|            | <b>Tổng cộng</b>                                                                 |               |                 |                                                       | <b>722.192.313</b> | <b>831.450.360</b> |
|            | <b>Làm tròn</b>                                                                  |               |                 |                                                       |                    | <b>831.450.000</b> |

Dự toán F1

**TỔNG HỢP**  
**Thiết bị truyền thanh Ứng dụng CNTT-VT đặt tại phòng máy**  
**Đài truyền thanh xã, thị trấn**

*(Kèm Đề án chuyển đổi số hệ thống Truyền thanh-Truyền hình Trung tâm Văn hóa,  
 Thông tin, Thể thao và Du lịch Triệu Sơn đến năm 2025)*

| <b>TT</b> | <b>Tên vật tư, thiết bị (hạng mục)</b>                                | <b>Số lượng</b> | <b>Đơn giá</b>    | <b>Thành tiền</b>    |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------|----------------------|
| 1         | Bộ thu truyền thanh “Ứng dụng CNTT-VT) tại phòng máy đài TT xã.       | 34 bộ           | 26.000.000        | 884.000.000          |
| 2         | Bộ thiết bị máy chủ, phần mềm bản quyền truyền thanh ứng dụng CNTT-VT | 34 bộ           | 24.000.000        | 816.000.000          |
| 3         | Bộ trộn âm thanh số - 8 kênh.                                         | 34 bộ           | 6.000.000         | 187.000.000          |
| 4         | Phí di trì, thuê bao sim 4G cho bộ thu truyền thanh ứng dụng CNTT-VT  | 34 bộ/2 năm     | 1.400.000         | 47.600.000           |
| 5         | Anten thu sóng 3G, 4G(thu ngoài trời)                                 | 34              | 452.941           | 15.400.000           |
|           | <b>Tổng cộng</b>                                                      |                 | <b>57.400.000</b> | <b>1.950.000.000</b> |